

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lợi và bà Dương Thị Thúy Duy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1978; nơi thường trú: Tổ H, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1971; nơi thường trú: Tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N và ông M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2024 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Dương Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2010, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây cãi,

ông M tự ý bỏ đi không chung sống với bà hơn 02 năm nay, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình. Hai người ly thân nhau từ đó. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Đúng như trình bày của bà N, ông và bà N chung sống với nhau từ năm 2010, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà N chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, từ đó hai người ly thân nhau hơn 02 năm nay. Nay, xét thấy có trở về chung sống cũng không hàn gắn được tình cảm, không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Như bà N trình bày, ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa, bà N và ông M cùng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M, đồng thời ông M có nơi thường trú trên địa bàn huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà N và ông M cùng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M hình thành thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức lễ cưới và đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân của bà N và ông M được xác lập trên cơ sở tự

nguyên. Tuy nhiên, sau khi về chung sống bà N và ông M không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc trình bày của bà N và ông M phù hợp với giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 10/7/2024 nên hôn nhân giữa bà N và ông M không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận bà N và ông M là vợ chồng.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông M, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà N và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian ly thân giữa ông bà đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, bà N xin ly hôn với ông M và ông M cũng đồng ý ly hôn với bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông M là bị đơn nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị N và ông Nguyễn Văn M là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010086 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (bà Dương Thị N đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà N và ông M được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Phước Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy